

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HS-ST

Ngày: 04-4-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cương;

Ông Nguyễn Thanh Điền;

Bà Nguyễn Thị Nghĩa Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Xuân Văn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 3 và ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Đ (tên gọi khác: M), sinh năm 1984 tại tỉnh Cà Mau; nơi thường trú: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H1 (đã chết) và bà Trương Thị B, sinh năm 1954; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 13/6/2017 đến nay; có mặt.

2. Khuất Cao C (tên gọi khác: C Cá), sinh năm 1981 tại thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Đường T, khu phố X, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Quản lý khách sạn; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khuất Tuấn P, sinh năm 1953 và bà Đỗ Thị Kim T, sinh năm 1956; có vợ là Cao Thùy L, sinh năm 1990; có 02 người con (sinh năm 2010 và năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 13/6/2017 đến nay; có mặt.

3. Phạm Anh Đ1 (tên gọi khác: Đ1 Lùn), sinh năm 1979 tại thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: Đường D, khu phố Y, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Nhà trọ S, đường D, khu phố Y, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Viết T1, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1953; có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1982 (là bị cáo trong vụ án); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 13/6/2017 đến nay; có mặt.

4. Bùi Thị H, sinh năm 1982 tại tỉnh Thái Bình; nơi thường trú: Đường D, khu phố Y, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Nhà trọ S, đường D, khu phố Y, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Viết Đ2, sinh năm 1959 và bà Trần Thị T3, sinh năm 1961; có chồng là Phạm Anh Đ1, sinh năm 1979 (là bị cáo trong vụ án); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 14/6/2017 đến nay; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Anh Đ1:* Ông Phạm Viết T1, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1953; nơi thường trú: Số Z, đường P, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lê Văn Đ, Khuất Cao C:* Ông Lê Minh P1 – Luật sư của Công ty Luật Hợp danh N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Anh Đ1:* Ông Hoàng Thái N – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị H:* Bà Phạm Thị L1 – Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Thị L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Cao Thùy L, sinh năm 1990; nơi thường trú: Đường T, khu phố X, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 13/6/2017, tại ki ốt số 01, nhà trọ S thuộc đường D, khu phố Y, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, Cơ quan Cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy - Công an tỉnh Bình Dương phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thị xã B và Công an phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương kiểm tra, phát hiện Lê Văn Đ, Khuất Cao C và Phạm Anh Đ1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy. Khi lực lượng Công an vào thì Đ đứng lên định bỏ chạy làm rơi xuống sàn nhà một túi nilon bên trong có chứa nhiều viên nén hình tròn màu hồng, Đ khai viên nén hình tròn màu hồng là ma túy đá. Lực lượng Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đ, C, Đ1.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ của Lê Văn Đ: 52 (năm mươi hai) viên nén hình tròn màu hồng, 01 (một) viên nén hình tròn màu xanh, 01 (một) túi nylon chứa tinh thể màu trắng,

01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn Đ, 01 (một) thẻ ATM thẻ Ngân hàng BIDV số X mang tên Lê Văn Đ, 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Lê Văn Đ, 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, biển số: 59Y2 - 885.X mang tên Phan Thanh H, 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, biển số: 68E1- 145.X mang tên Ô Vĩnh C, 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Agribank tên NGUYEN THI TRUC A số X, tiền Việt Nam 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone S màu xám đen, số 579C-E2946A, 01 (một) tờ giấy mã đặt chỗ máy bay mang tên Lê Văn Đ mã chuyến bay VJ276 ngày 12/6/2017, 02 (hai) tờ giấy in dòng chữ VietJetAir.com mang tên LE VAN D mã chuyến bay VJ276 ngày 12/6/2017, 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Đông Á số X, 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen xám 8250, tiền Việt Nam 1.020.000 (một triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng, 01 (một) xe mô tô biển số 61C1-363X.

Khám xét chỗ ở của Lê Văn Đ tại tổ X, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, thu giữ: 01 (một) túi nylon có khóa kéo bên trong có: 01 (một) túi nylon hàn kín và 02 (hai) túi nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể trắng, 01 (một) cân điện tử màu xanh hiệu Mild Seven, 03 (ba) dao, kiếm các loại, 01 (một) đoạn ống sắt tròn, dài 105cm, 01 (một) máy tính xách tay hiệu VAIO màu đen, 01 (một) xe mô tô hiệu SUZUKI màu đen biển số: 59Y2-885.X, 01 xe mô tô kiểu dáng HONDA Cup màu đỏ biển số: 86K6-12X.

- Thu giữ của Khuất Cao C: 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa tinh thể màu trắng, 02 (hai) túi nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng, 01 (một) xe mô tô hiệu HONDA SH biển số: 61G1-568.X, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đen số IC 579C-E3092A.

Khám xét chỗ ở của Khuất Cao C tại nhà nghỉ X thuộc khu phố X, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, thu giữ: 01 (một) hộp nhựa chứa tinh thể màu trắng, 01 (một) hộp giấy bên trong có 01 (một) túi nylon chứa tinh thể màu trắng, 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 01 (một) dao bằng kim loại dài khoảng 50cm, lưỡi dao có răng cưa, cán dao bằng gỗ có chạm hoa văn, lưỡi dao chỗ rộng nhất là 05cm, 01 (một) dao nhọn bằng kim loại dài khoảng 18cm, cán bằng nhựa màu xám, lưỡi dao được bọc trong bao da, chỗ rộng nhất của lưỡi dao khoảng 01cm.

Qua khám xét chỗ ở và lời khai của Lê Văn Đ và Khuất Cao C, Cơ quan điều tra ra lệnh khám xét chỗ ở của Phạm Anh Đ1 và Bùi Thị H tại ki ốt số X, nhà trọ S thuộc đường D, khu phố X, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, thu giữ:

01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, 01 (một) cân điện tử màu đen hiệu Amput, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng, số emei: 013405004381725, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu đen xám, chưa kiểm tra số thuê bao, số emei: 3544 5406 3536 651, 01 (một) máy tính bảng màu xám đen có số serial DMPHPEQPDJ8R, 02 (hai) viên đạn hình trụ tròn, thân bằng nhựa màu đỏ đáy bằng đồng ký hiệu 12*12*12*12, 01 (một) viên đạn hình trụ tròn, thân bằng nhựa màu xanh đáy bằng đồng ký hiệu 12EMINGTON GA PETERS, 04 (bốn) viên đạn hình trụ tròn, thân và đáy đạn

bằng đồng, ký hiệu 12 90; 01 (một) chai nhựa màu trắng loại 1,5 lít nắp màu đỏ có gắn ống thủy tinh, Phạm Anh Đ1 khai nhận là bộ sử dụng ma túy, 01 (một) tờ giấy vay tiền, người vay là Phan Thị M1, 01 (một) tờ giấy vay tiền, người vay là Bùi Thị H, 01 (một) sim điện thoại di động Mobifone số seri: 8401 1610 5271 867801, 01 (một) vé máy bay đã sử dụng, tên PHAM ANH D ngày đi 03/6/2017 số chuyến bay VJ 273, 02 (hai) vé máy bay đã sử dụng, tên PHAM ANH D ngày đi 02/6/2017 số chuyến bay VJ 270, 01 (một) sổ ghi chép màu đen kích thước khoảng 05cm x 10cm, 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên Phạm Anh Đ1, 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Anh Đ1, 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank số X tên Bùi Thị H, 01 thẻ ATM Ngân hàng BIDV số X tên Bùi Thị H, 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị H, 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Bùi Thị H, 01 (một) giấy đăng ký xe 61G1-544.X mang tên Bùi Thị H, tiền Việt Nam 1.460.000 (một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đỏ, số emei: 351546006700684, 01 túi nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu hồng, 02 (hai) túi nylon chứa tinh thể màu trắng, 05 (năm) túi nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng, 01 (một) khay nhựa có chứa tinh thể màu trắng, 01 (một) lắc tay, 02 (hai) dây kim loại màu vàng, 01 (một) mặt dây chuyền màu đen gỗ bọc kim loại màu vàng, 03 (ba) nhẫn màu trắng, 02 (hai) nhẫn kim loại màu vàng, 03 (ba) bông tai; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu CLICK màu đỏ, biển số: 61G1-544.X, 01 (một) sổ ghi chép màu hồng và tiền Việt Nam 6.400.000 (sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Tại Kết luận giám định số 289/MT-PC54 ngày 21/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

Các mẫu gửi giám định (trừ mẫu M8, M4) đều có Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT 7, Nghị định 82/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

- Chất tinh thể màu trắng ngà trong 01 (một) hộp nhựa, trọng lượng: 37,2537gam (M1), thu giữ của Phạm Anh Đ1, hàm lượng 74,72%, trọng lượng Methamphetamine trong mẫu vật là 27,8360 gam.

- Chất tinh thể màu trắng trong 01 (một) túi nylon hàn kín, trọng lượng: 48,5190 gam (M2-1) thu giữ của Phạm Anh Đ1, hàm lượng 70,09%, trọng lượng Methamphetamine trong mẫu vật là 34,0070 gam.

- Chất tinh thể màu trắng trong 01 (một) túi nylon hàn kín, trọng lượng: 47,5901 gam (M2-2), hàm lượng 75,02%, trọng lượng Methamphetamine trong mẫu vật là 35,7021 gam.

- Chất tinh thể màu trắng trong 01 (một) túi nylon miệng kéo dính, trọng lượng: 98,8754gam (M3) thu giữ của Phạm Anh Đ1, hàm lượng 72,67%, trọng lượng Methamphetamine trong mẫu vật là 71,8528 gam.

- Chất tinh thể màu trắng trong 05 (năm) túi nylon hàn kín, trọng lượng: 1,6179 gam (M5) thu giữ của Phạm Anh Đ1, hàm lượng 72,67%, trọng lượng Methamphetamine trong mẫu vật là 1,1757 gam.

- Chất tinh thể màu trắng trong 01 (một) túi nylon miệng kéo dính, trọng lượng: 92,4801 gam (M6-1) và chất tinh thể màu trắng trong 02 (hai) túi nylon hàn kín, trọng lượng: 6,9622gam (M6-2) thu giữ của Khuất Cao C, hàm lượng 73,97%, trọng lượng Methamphetamine trong 02 mẫu vật (M6-1 + M6-2) là 73,5575 gam.

- Chất tinh thể màu trắng ngà trong 01 (một) hộp nhựa hình trụ tròn, trọng lượng: 67,0792 gam (M7) thu giữ của Khuất Cao C, hàm lượng 71,12%, trọng lượng Methamphetamine trong mẫu vật là 47,7067 gam.

- Chất bột màu trắng trong 01 (một) túi nylon hàn kín, trọng lượng: 368,3000 gam (M8) thu giữ của Khuất Cao C, không tìm thấy các chất và tiền chất có trong danh mục quản lý của Chính phủ.

- Chất tinh thể màu trắng trong 01 (một) túi nylon miệng kéo dính, trọng lượng: 99,4038 gam (M9), hàm lượng 75,20%, trọng lượng Methamphetamine trong mẫu vật là 74,7517 gam.

- Chất tinh thể màu trắng ngà trong 01 (một) túi nylon hàn kín, trọng lượng: 62,7693 gam (M10-1) thu giữ của Lê Văn Đ, hàm lượng 73,26%, trọng lượng Methamphetamine trong mẫu vật là 45,9848 gam.

- Chất tinh thể màu trắng ngà trong 02 (hai) túi nylon miệng kéo dính, trọng lượng: 14,6277 gam (M10-2) thu giữ của Lê Văn Đ, hàm lượng 73,87%, trọng lượng Methamphetamine trong mẫu vật là 10,8055 gam.

- Chất màu hồng trong 01 (một) túi nylon hàn kín (M4), thu giữ của Phạm Anh Đ1, mẫu vật quá nhỏ không đủ yếu tố giám định.

Tại Kết luận giám định số 2228/C54B ngày 08/08/2017 của Viện Khoa học hình sự khu vực phía Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh (C54B) - Bộ Công an kết luận chất ma túy thu giữ của Lê Văn Đ:

- 52 (năm mươi hai) viên nén hình tròn màu đỏ và các mảnh vỡ màu đỏ đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong (ký hiệu M11-1) gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 4,9908 gam, loại Methamphetamine.

- 01 (một) viên nén hình tròn màu xanh lá đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong (ký hiệu M11-2) gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,0973 gam, loại Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 2230/C54B ngày 24/07/2017, Viện Khoa học hình sự khu vực phía Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh (C54B) - Bộ Công an, kết luận:

- 04 (bốn) viên đạn chưa bắn gửi giám định ký hiệu 12 90, kích thước 69mm x 20mm, điểm hỏa tâm, đáy gờ lồi là loại đạn tự chế cỡ 12 gauge.

- 03 (ba) viên đạn chưa bắn, 01 (một) viên ký hiệu 12 REMINGTON GA PETERS có kích thước 65mm x 20mm, điểm hỏa tâm, đáy gờ lồi và 02 viên ký hiệu 12*12*12*12 có kích thước 58mm x 20mm, điểm hỏa tâm, đáy gờ lồi là loại đạn cỡ 12 gauge.

07 (bảy) viên đạn nêu trên là đạn súng săn không thuộc danh mục đạn quân dụng, loại đạn này sử dụng để bắn với các loại súng shotgun hoặc các loại súng tự chế nòng nhẵn có đường kính buồng chứa đạn 20mm.

Tại Kết luận giám định số 283-KĐ/GĐ-PC54 ngày 03/07/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận đối với các xe mô tô thu giữ của Lê Văn Đ, Khuất Cao C, Bùi Thị H như sau:

- 01 (một) xe mô tô biển số 61C1 363.X, nhãn hiệu HONDA, số loại JA36 BLADE (D), có số khung: RLHJA3604EY119737 không đổi, số máy: JA36E-0235740 không đổi.

- 01 (một) xe mô tô biển số 59Y2 885.X, nhãn hiệu SUZUKI, có số khung: RU10U-B08635 cắt hàn kim loại, số máy: F124-.... (do đục sửa sâu đục không được số nguyên thủy) đục sửa.

- 01 (một) xe mô tô DH88 lắp ráp, biển số 86K6-12X có số khung: DH88-XF413478 (khung xe HONDA Made in Korea) không đổi; số máy không đọc được do hàn phá số.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu INJECTION Shi, số loại 150, biển số 61G1-568.X, có số khung: *ZDCKF10B0AF036298* không đổi; số máy: KF08E*1038198*KTG E1 không đổi.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại CLICK EXCEED KVBG, có số khung: RLHJF18017 Y375050 không đổi, số máy: JF18E-0075105 không đổi.

Quá trình điều tra xác định được:

Lê Văn Đ, Phạm Anh Đ1 và Khuất Cao C cùng sử dụng ma túy. Khoảng tháng 5 năm 2017, Đ1 nói với C, Đ là Đ1 quen biết với một người tên Võ L1 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở tỉnh Hải Dương - là đối tượng bán ma túy đá với giá 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng/100 gam, nếu muốn mua thì góp tiền lại để Đ1 liên hệ với L1 mua ma túy, C và Đ đồng ý mua mỗi người 100 gam ma túy đá và đặt vé máy bay để Đ1 bay ra thành phố Hải Phòng rồi đến tỉnh Hải Dương để mua ma túy, C đưa cho Đ1 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng, Đ đưa cho Đ1 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, số tiền còn thiếu Đ1 cho Đ vay 18.000.000 (mười tám triệu) đồng. Sau đó, Đ1 mang theo số tiền 114.000.000 (một trăm mười bốn triệu) đồng ra thành phố Hải Phòng và đi xe taxi đến tỉnh Hải Dương gặp Võ L1 tại một khách sạn (không xác định được địa điểm) mua 300 gam ma túy đá với giá 114.000.000 (một trăm mười bốn triệu) đồng. Sau khi mua được ma túy, Đ1 chia ma túy thành 05 (năm) gói nhỏ và để vào ba lô hành lý cá nhân và mang hành lý gửi xe khách chạy tuyến từ tỉnh Hải Dương vào Thành phố Hồ Chí Minh. Còn Đ1 mua vé máy bay về Thành phố Hồ Chí Minh và liên lạc với chủ xe khách để nhận hành lý đã gửi. Khi xe khách vào đến thị xã B, tỉnh Bình Dương thì Đ1 ra nhận ba lô hành lý chứa 300 gam ma túy rồi mang về phòng trọ số 01, nhà trọ S cất giấu. Ngày hôm sau, Đ1 gọi C và Đ đến phòng trọ của Đ1 và lấy ma túy ra sử dụng thì phát hiện ma túy kém chất lượng. Tuy nhiên, Đ1 vẫn chia cho C và Đ mỗi

người 100 gam để mang về nhà cất giấu. Trong khi Đ1, C và Đ sử dụng ma túy và chia ma túy thì Bùi Thị H (là vợ của Đ1) có mặt tại phòng trọ và biết được hành vi mua bán ma túy của Đ1, Đ và C nhưng H không có ý kiến gì.

Đ1 gọi điện thoại liên lạc với Võ L1 về việc ma túy mua của L1 kém chất lượng, đề nghị đổi thì L1 đồng ý đổi và hẹn Đ1 mang ma túy ra tỉnh Hải Dương để đổi, Đ1 gọi C đến nhà để bàn về việc mang ma túy đi đổi. C đồng ý nên Đ1 yêu cầu H đặt mua 02 (hai) vé máy bay cho Đ1 và Đ đi từ Thành phố Hồ Chí Minh ra thành phố Hải Phòng. Ngày 01/6/2017, C sử dụng xe mô tô biển số 61C1-568.23 mang theo 01 (một) túi ma túy đá trọng lượng 100 gam đến nhà đưa cho Đ1 để Đ1 đi đổi lại. Ngày 02/6/2017, Đ1 cất giấu 200 gam ma túy đá vào một ba lô rồi đi xe taxi đến xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương đón Đ cùng đến sân bay Tân Sơn Nhất để ra thành phố Hải Phòng. Đ lấy một túi chứa ma túy đá có trọng lượng 100 gam từ trong túi quần bỏ vào ba lô của Đ1 và cùng Đ1 đến sân bay Tân Sơn Nhất. Đ1 và Đ mang theo 03 túi ma túy đá có trọng lượng 300 gam đi qua máy kiểm tra an ninh rồi mang lên máy bay theo dạng hành lý xách tay (không bị máy kiểm tra an ninh phát hiện) và ra đến thành phố Hải Phòng, sau đó Đ1 và Đ tiếp tục thuê xe taxi đến tỉnh Hải Dương thuê khách sạn (không xác định được địa chỉ) để nghỉ.

Sáng ngày 03/6/2017, Võ L1 đến khách sạn gặp Đ1 và Đ, nhưng L1 cho biết là đàn em của L1 trên đường mang ma túy đến khách sạn để đổi cho Đ1 đã bị Công an phát hiện và bắt giữ nên Võ L1 không còn ma túy để đổi cho Đ1. Nghe vậy, Đ1 gọi điện thoại nói cho H biết việc Đ1 và Đ không đổi được ma túy, Đ1 yêu cầu H đặt mua 02 (hai) vé máy bay để Đ1 và Đ bay về Thành phố Hồ Chí Minh trong ngày. Đến tối cùng ngày, Đ1 và Đ về đến nhà trọ của Đ1, Đ1 gọi C đến và nói cho C biết việc không đổi được ma túy và giao lại cho C 100 gam ma túy, Đ và Đ1 mỗi người cũng lấy 100 gam ma túy, Đ và C mỗi người mang 100 gam ma túy về nhà cất giấu, còn Đ1 chia 100 gam ma túy đá thành 02 (hai) túi lớn cất giấu ở trần la phong trên gác và 05 (năm) túi nhỏ bỏ vào 01 khay nhựa và cất giấu trong tủ quần áo trên gác.

Ngày 11/6/2017, Đ gọi điện thoại nói với H, Đ1 và C là Đ có quen biết một người tên M (không rõ nhân thân, lai lịch) tại thành phố Hải Phòng bán ma túy với giá 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng/100 gam, nếu Đ1 và C đồng ý mua thì đưa tiền để Đ đi thành phố Hải Phòng mua, chi phí đi lại ba người chia nhau cùng chịu. Sau khi bàn bạc thống nhất Đ mua 100 gam ma túy đá, H và Đ1 mua 100 gam ma túy đá và C mua 100 gam ma túy đá. C đặt vé máy bay cho Đ đi thành phố Hải Phòng, sau khi đặt được vé máy bay, C nhắn tin vào điện thoại về thông tin về chuyến bay cho Đ và H biết.

Khoảng 14 giờ ngày 12/6/2017, Đ mang theo số tiền 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng và sử dụng xe mô tô biển số 61C1-363.95 đến phòng trọ của H và Đ1 để lấy tiền thì H đưa cho Đ 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, trong đó 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng mua 100 gam ma túy còn 3.000.000 (ba triệu) đồng là chi phí đi lại; C đưa cho Đ 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng, trong đó 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng mua 100 gam ma túy còn 1.000.000 (một triệu) đồng là chi phí đi lại. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Đ ra đến thành phố

Hải Phòng gặp đối tượng M tại phòng số 302, khách sạn A2 (không rõ địa chỉ cụ thể) và thỏa thuận mua 300 gam ma túy đá với giá 121.000.000 (một trăm hai mươi một triệu) đồng, Đ phải đưa trước cho M 111.000.000 (một trăm mười một triệu) đồng và khi Đ vào đến sân bay Tân Sơn Nhất thì đàn em của M sẽ giao ma túy cho Đ. Đ giao trước 111.000.000 (một trăm mười một triệu) đồng cho M rồi gọi điện thoại yêu cầu C đặt vé máy bay cho Đ vào Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 13/6/2017, Đ ra sân bay Cát Bi và gọi điện thoại cho Hà Thị Cẩm T4 (là bạn gái của Đ) nói T4 đón taxi đến sân bay Tân Sơn Nhất để đón Đ. Khoảng 19 giờ 30 cùng ngày, khi đến sân bay, Đ được một đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) dẫn vào nhà vệ sinh của sân bay để nhận 01 (một) túi nylon màu đen, bên trong có 03 (ba) túi nylon miệng kéo dính, mỗi túi chứa 100 gam ma túy đá và 53 (năm mươi ba) viên nén ma túy đá bỏ vào ba lô, Đ giao số tiền còn lại cho người của M rồi cùng T4 đi xe taxi về tỉnh Bình Dương. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Đ và T4 về đến nhà nghỉ X gặp C, Đ lấy xe mô tô biển số 61C1-363.X của Đ gửi trước đó. Sau đó, Đ chở T4 về nhà trọ của Đ1 để ăn cơm và C cũng điều khiển xe mô tô biển số 61C1-568.X đến nhà trọ của Đ1 để lấy ma túy. Sau khi cùng ăn cơm, uống rượu, Đ chia cho Đ1 và C mỗi người 100 gam ma túy, C lấy một ít ma túy mới được chia để cùng nhau sử dụng và thấy ma túy đạt chất lượng nên chia thành 01 (một) túi lớn và 02 (hai) túi nhỏ rồi bỏ vào túi quần bên phải. Đ cất giấu ma túy mới mua vào trong ba lô và lấy 01 (một) túi nylon có chứa 53 (năm mươi ba) viên nén ma túy cầm trên tay. Lúc này, H ra mở cửa phòng trọ cho Đ, C và T4 ra về thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra, Đ1 còn khai nhận: Ngoài việc tàng trữ số ma túy bị thu giữ như nêu trên thì khoảng tháng 5 năm 2017, nhằm mục đích kiếm tiền trả nợ và có ma túy để sử dụng nên Đ1 đi ra tỉnh Hải Dương mua ma túy về bán nhưng mua phải ma túy kém chất lượng nên chưa bán được. Bùi Thị H khai nhận Đ1 bán ma túy cho một người tên là N1 và một người nữ (không xác định được nhân thân, lai lịch) tại nhà của Đ1, do ma túy kém chất lượng nên N1 đã gọi điện thoại cho H để phản ánh việc Đức và H bán ma túy sử dụng không được. Do không xác định được cụ thể các đối tượng mua ma túy của Đ1, H nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đ1 và H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Hành vi tàng trữ 07 (bảy) viên đạn là đạn súng săn không thuộc danh mục đạn quân dụng của Phạm Anh Đ1 không cấu thành tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Quá trình điều tra, Phạm Anh Đ1 có biểu hiện hoang tưởng, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương đã trưng cầu Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa giám định xác định năng lực chịu trách nhiệm hình sự trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội đối với Phạm Anh Đ1. Kết luận giám định số 550/KL-VPYTW ngày 14/12/2017 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận: Tại thời điểm gây án và hiện nay bị can Phạm Anh Đ1 bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thanh M2, sinh năm 1995 và Nguyễn Chí T, sinh năm 1993 khai nhận từng mua ma túy của Lê Văn Đ nhiều lần. Việc mua bán giữa Đ và M2, T không có người khác chứng kiến, Đ không thừa nhận nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Văn Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đối với người tên Võ L1 và người tên M đã có hành vi bán ma túy cho Đ1 và Đ: Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể nên cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKS.P2 ngày 07/01/2019, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Lê Văn Đ, Khuất Cao C, Phạm Anh Đ1, Bùi Thị H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Xác định tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Tại phiên tòa, bị cáo H không thừa nhận hành vi phạm tội và cho rằng bị ép cung dùng nhục hình. Lời khai của bị cáo H tại phiên tòa không phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và của các bị cáo khác. Các bị cáo Đ, Đ1, C thừa nhận hành vi phạm tội nhưng phủ nhận lời khai về vai trò của bị cáo H, cho rằng bị cáo H không biết hoặc không xác định được bị cáo H có biết hay không. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra có sự thống nhất và phù hợp, biên bản kiểm tra điện thoại có chữ ký xác nhận của bị cáo H. Đồng thời, các bị cáo không lý giải được vì sao lại có sự thay đổi lời khai về vai trò của bị cáo H. Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của bị cáo H. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo Đ, Đ1 trực tiếp đi mua ma túy, tàng trữ ma túy; bị cáo C trực tiếp tàng trữ trái phép chất ma túy, mua vé máy bay cho bị cáo Đ đi mua ma túy; bị cáo H không trực tiếp tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng có vai trò giúp sức, tiếp tay cho các bị cáo khác, giao tiền cho Đ đi mua ma túy, mua vé máy bay cho bị cáo Đ1, Đ đi đổi ma túy, dùng nhà trọ do bị cáo thuê để các bị cáo khác phân chia ma túy. Số lượng ma túy để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo từ cao đến thấp lần lượt là bị cáo Đ1, Đ, C nên vai trò của bị cáo Đ1 là cao nhất, đến bị cáo Đ và sau đó là đến bị cáo C. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đ1, C, Đ chỉ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có phần hạn chế. Bị cáo H tại phiên tòa quanh co chối tội nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo C có cha ruột là ông Khuất Tuấn P là người có công với cách mạng, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 18 năm tù đến 19 năm tù; xử phạt bị cáo Khuất Cao C từ 16 năm tù đến 17 năm tù; xử phạt bị cáo Phạm Anh Đ1 từ 19 năm tù đến 20 năm tù; xử phạt bị cáo Bùi Thị H từ 15 năm tù đến 16 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về xử lý vật

chứng: Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên đề nghị tại các phiên tòa trước đây. Tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm 01 xe mô tô của bị cáo C, là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bị cáo C và bà Cao Thùy L, do đó đề nghị tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô của bị cáo C.

Người bào chữa cho các bị cáo Bùi Thị H trình bày tranh luận:

Các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án không có gì thay đổi, do đó người bào chữa giữ nguyên nội dung bào chữa ở phiên tòa trước đây rằng không thể dùng lời khai của các bị cáo để buộc tội bị cáo H khi lời khai của các bị cáo có sự mâu thuẫn. Không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm đối với bị cáo H. Mặt khác, người bạn gái của bị cáo Đ là Cẩm T4 cùng sử dụng ma túy với các bị cáo. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, không đưa Cẩm T4 vào tham gia tố tụng để điều tra xem xét, truy tố để đảm bảo công bằng đối với các bị cáo, bà Tiên biết việc các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng không bị truy tố, trong khi bị cáo H không biết việc các bị cáo khác tàng trữ ma túy thì lại bị truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung xác định vai trò của bà Tiên nhằm tránh bỏ lọt tội phạm.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Anh Đ1 trình bày tranh luận:

Tại các phiên tòa trước đây đã đề ra yêu cầu điều tra bổ sung làm rõ định lượng ma túy, lấy lời khai của bị cáo Đ1 sau khi có kết luận giám định xác định bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức. Tuy nhiên, Viện Kiểm sát không tiến hành bất cứ hoạt động gì. Cáo trạng truy tố các bị cáo có nhiều nội dung không đúng. Về xác định tội danh: Người bào chữa thống nhất về tội danh đối với bị cáo Đ1. Tuy nhiên, về định lượng ma túy theo nội dung cáo trạng không thể hiện dựa trên căn cứ nào, vì lượng ma túy thu giữ của bị cáo Đ1 thấp hơn số ma túy mà Viện Kiểm sát xác định bị cáo Đ1 tàng trữ. Viện Kiểm sát xác định số ma túy mà bị cáo Đ1 tàng trữ là tổng số ma túy 03 bị cáo tại thời điểm bị bắt quả tang cộng thêm số lượng ma túy mà bị cáo Đ, C bị thu giữ tại nơi ở, như vậy bị cáo Đ1 phải gánh chịu số ma túy của 02 bị cáo khác đang sử dụng, số lượng ma túy bị cáo giữ lại để sử dụng, cáo trạng có sự nhầm lẫn giữa hành vi tàng trữ và mua bán, vì tàng trữ là người phạm tội đang giữ bao nhiêu ma túy, thu giữ bao nhiêu thì tàng trữ bấy nhiêu. Còn hành vi mua bán thì bị cáo phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với số ma túy mà bị cáo mua về. Đối với 52 viên ma túy, các bị cáo thừa nhận 52 viên ma túy này là bị cáo Đ được khuyến mãi thêm, 02 bị cáo Đ1, Đ không được bị cáo Đ thông báo, không thỏa thuận bàn bạc phân chia 52 viên ma túy này, do đó không thể buộc bị cáo Đ1 phải chịu đối với 52 viên ma túy này. Như vậy, số liệu trong cáo trạng xác định là không phù hợp. Mặt khác, việc lấy lời khai đối với bị cáo Đ1 sau khi có kết luận giám định tâm thần, có các biên bản lấy lời khai của bị cáo Đ1 không có người bào chữa và người đại diện tham gia. Ngày 20/12/2017, lấy lời khai của bị cáo có Viện Kiểm sát tham gia, không có người bào chữa, không có người giám hộ. Bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức nên lời khai trước đó không có giá trị đảm bảo, không có giá trị chứng minh. Cần phải có người bào chữa khi lấy lời khai của bị cáo nhằm đảm bảo quyền lợi của bị cáo. Đề nghị tuyên trả hồ sơ để làm rõ 03 vấn đề sau: Định lượng ma túy để định khung hình phạt cho bị cáo Đ1, thủ tục lấy lời khai của bị cáo Đ1, làm rõ ông Lê Thế C là ai vì tại biên bản lấy

lời khai ngày 21/9/2018, ông C là cán bộ quản giáo có tham gia và ký vào vị trí trong biên bản là người đại diện của bị cáo Đ1.

Người bào chữa cho các bị cáo Đ, C trình bày:

Thông nhất với nội dung cáo trạng về tội danh. Tuy nhiên, đề nghị xem xét áp dụng quy định có lợi cho các bị cáo, đối với hành vi của các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy, áp dụng theo Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), không áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhưng ở khoản có khung hình phạt cao hơn. Đối với bị cáo C, cáo trạng xác định số ma túy mà bị cáo tàng trữ là số ma túy mà bị cáo tàng trữ cộng thêm toàn bộ ma túy mà các đồng phạm khác mua, bị cáo C chỉ gửi bị cáo Đ mua 100gam ma túy, không gửi mua 300gam ma túy, do đó không thể cộng số ma túy của bị cáo Đ mua vào cho bị cáo C. Đề nghị xem xét lại hàm lượng ma túy truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đ, C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo C có cha ruột là người có công với cách mạng, bị cáo Đ có trình độ học vấn thấp, chỉ học đến lớp 2. Do đó, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xem xét áp dụng mức hình phạt dưới khung hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho ông Khuất Tuấn P (là cha của bị cáo C) 01 (một) xe mô tô, vì xe mô tô này là tài sản của ông P, không liên quan đến việc phạm tội. Đề nghị trả trả lại cho bị cáo Đ số tiền thu giữ, thẻ ngân hàng không liên quan đến hành vi tội phạm.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ, Đ1, C khai nhận hành vi phạm tội của mình nhưng không thừa nhận lời khai trong quá trình điều tra về hành vi phạm tội của bị cáo H. Bị cáo H không thừa nhận hành vi phạm tội.

Bị cáo C nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét để bị cáo sớm về với gia đình.

Bị cáo Đ nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo về chăm sóc mẹ già.

Bị cáo Đ1 nói lời sau cùng: Bị cáo thấy có lỗi, mong Hội đồng xét xử xét xử có tình, có lý cho vợ chồng bị cáo, nếu vợ chồng bị cáo cùng thụ án thì không ai chăm sóc cha mẹ, vợ của bị cáo chỉ tham gia với vai trò nhỏ trong vụ án. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất, để bị cáo có điều kiện cải tạo tốt nhất.

Bị cáo H nói lời sau cùng: Trong 03 phiên tòa xét xử, bị cáo đã nói ra tất cả sự thật, bị cáo không tàng trữ trái phép chất ma túy, mong Hội đồng xét xử xem xét tìm lại công bằng cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an tỉnh Bình Dương, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đ, Đ1, C, người bào chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Bùi Thị H tố cáo việc bị cáo bị đánh, bị bức cung, dùng nhục hình, bị sàm sỡ trong quá trình điều tra. Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ nội dung tố cáo của bị cáo. Kết quả điều tra bổ sung xác định không có việc bị cáo H bị đánh đập, bị bức cung, dùng nhục hình, bị sàm sỡ như bị cáo khai báo. Đồng thời, kết quả điều tra của Cơ quan điều tra - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao xác định không có dấu hiệu tội phạm xảy ra trong hoạt động tư pháp. Do đó, nội dung tố cáo của bị cáo H là không có căn cứ.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo Đ, C, Đ1 khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, bị cáo C và bị cáo Đ1 không đồng ý với hàm lượng ma túy mà các bị cáo bị truy tố như trong cáo trạng xác định. Đối với bị cáo H, tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, thay đổi toàn bộ lời khai trong quá trình điều tra. Tại phiên tòa, các bị cáo Đ, C, Đ1 cũng thay đổi lời khai liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo H. Bị cáo Đ1 khai bị cáo H không biết cũng như không liên quan đến việc các bị cáo tàng trữ ma túy, tuy nhiên trong lời nói sau cùng, bị cáo Đ1 trình bày bị cáo H chỉ có vai trò nhỏ trong vụ án. Bị cáo Đ, C khai không biết bị cáo H có biết việc các bị cáo tàng trữ ma túy hay không. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại các biên bản ghi lời khai của bị cáo Đ (bút lục số 151, 154, 161, 168, 170, 171, 174, 177, 180, 184, 851, 852), biên bản đối chất giữa bị cáo Đ và bị cáo H (bút lục số 186); tại các biên bản ghi lời khai của bị cáo C (bút lục số 286, 289, 291, 296, 297, 301, 303, 304, 307, 309, 856); tại các biên bản ghi lời khai của bị cáo Đ1 (bút lục số 356, 357, 360, 307, 368, 369, 370) đều xác định H có tham gia bàn bạc, giúp sức cho các bị cáo trong việc tàng trữ trái phép chất ma túy. Mặt khác, tại các biên bản ghi lời khai, bản tự khai của bị cáo H trong quá trình điều tra (bút lục số 447, 449, 454, 456, 458, 459, 461, 462, 463, 465, 466, 467, 468, 472, 475, 476, 478, 486) và biên bản hỏi cung bị cáo H có người bào chữa tham gia (bút lục số 861), bị cáo H cũng thừa nhận việc H đặt vé máy bay cho Đ1 đi đổi ma túy trở về vào ngày 03/6/2017 và việc H có bàn bạc, trao đổi qua điện thoại với Đ về việc mua ma túy, trao đổi với C về việc đặt vé máy bay cho Đ để đi mua ma túy vào ngày 13/6/2017. Đồng thời, tại biên bản kiểm tra tin nhắn điện thoại, có chữ ký xác nhận của bị cáo H (bút lục số 490) thể hiện nội dung tin nhắn trao đổi về việc mua ma túy, đặt vé máy bay giữa H và Đ, C. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng giữa tháng 5 năm 2017, Phạm Anh Đ1 bàn bạc với Lê Văn Đ và Khuất Cao C đi ra tỉnh Hải Dương gặp đối tượng Võ L1 để mua 300 gam ma túy đá (Methamphetamine) mang về nhà trọ của Đ1 và Bùi Thị H tại ki ốt số X, nhà trọ S thuộc đường D, khu phố Y, phường T, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương chia nhau mỗi người 100 gam để sử dụng. Do ma túy kém chất lượng nên ngày 03/6/2017, bị cáo Đ1 và Đ mang ma túy đi đổi nhưng không đổi được nên Đ1 yêu cầu H đặt 02 (hai) vé máy bay cho Đ và Đ1 vào lại. Ngày 13/6/2017, Đ tiếp tục bàn bạc với Đ1, H và C để Đ ra thành phố Hải Phòng gặp đối tượng tên M mua 300 gam ma túy đá về chia nhau mỗi người 100 gam, bị cáo C là người đặt vé máy bay cho Đ, sau đó C nhắn tin thông tin chuyến bay cho H, các bị cáo thỏa thuận khi mua ma túy về thì chi phí đi lại sẽ chia nhau cùng chịu. Khi Đ đem ma túy về ki ốt số 01 nhà trọ Subi sử dụng thử và phân chia thì bị phát hiện bắt quả tang.

Về xác định hàm lượng ma túy làm cơ sở cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Đối với bị cáo Phạm Anh Đ1: Là số ma túy mà bị cáo Đ1 trực tiếp đi mua lần thứ nhất cho cả 03 bị cáo mang về chia nhau cất giấu tại nơi ở của các bị cáo mà cơ quan điều tra đã khám xét thu giữ được là 279,4569 gam (trong đó Đ1 134,9807 gam, Đ 77,397 gam, C 67,0792 gam). Đồng thời, đối với số ma túy mà Đ mua về và bị bắt giữ, mặc dù bị cáo Đ1 chỉ đặt mua 100 gam, tuy nhiên việc bị cáo Đ mua 300 gam ma túy thì bị cáo Đ1 có tham gia bàn bạc, hỗ trợ cùng thống nhất ý chí, cùng thỏa thuận phân chia chi phí đi lại, như vậy đối với số ma túy mua vào ngày 13/6/2017 của bị cáo Đ, C thì mặc dù bị cáo Đ1 không trực tiếp tàng trữ nhưng bị cáo có vai trò giúp sức về mặt vật chất, tinh thần. Do đó, bị cáo còn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số ma túy Đ mua lần thứ hai chung cho cả 03 bị cáo thực tế thu giữ được là 297,7251 gam. Tổng cộng xác định số ma túy mà bị cáo Đ1 tàng trữ, giúp sức trong việc tàng trữ là 577,182 gam Methamphetamine.

Đối với bị cáo Bùi Thị H: Mặc dù bị cáo H không trực tiếp tàng trữ trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, cả 02 lần mua, tàng trữ ma túy của 03 bị cáo Đ1, Đ, C thì H đều có vai trò giúp sức, lần thứ nhất mặc dù biết việc Đ1 đi đổi ma túy nhưng H vẫn giúp sức trong việc mua vé máy bay khi Đ1 đi đổi ma túy về, lần thứ hai thì H có tham gia bàn bạc, trao đổi qua điện thoại, giúp sức trong việc mua và tàng trữ ma túy của các bị cáo Đ, Đ1, C. Do đó, số ma túy mà bị cáo H giúp sức tàng trữ trái phép là số ma túy Đ mua lần thứ hai chung cho cả 03 bị cáo thực tế thu giữ được là 297,7251gam và số ma túy Đ1 trực tiếp đi mua lần thứ nhất cho cả 03 bị cáo mang về chia nhau cất giấu tại nơi ở của các bị cáo mà cơ quan điều tra đã khám xét thu giữ được là 279,4569 gam (trong đó Đ1 134,9807 gam, Đ 77,397 gam, C 67,0792 gam). Tổng cộng là 577,182 gam Methamphetamine.

Đối với bị cáo Lê Văn Đ: Là số ma túy Đ gửi Đ1 mua lần thứ nhất còn lại cất giữ tại nơi ở mà Cơ quan điều tra đã thu giữ được là 77,397 gam và số ma túy Đ trực tiếp mua lần thứ hai chung cho cả 03 bị cáo thực tế thu giữ được là 297,7251 gam, cộng với số ma túy Đ được đối tượng M khuyến mãi riêng khi đi mua ma túy lần thứ hai là 5,0881 gam. Tổng cộng là 380,2102 gam

Methamphetamine. Đối với số ma túy của Đ1, C mà Đ1 mua lần thứ nhất, không đủ căn cứ chứng minh vai trò giúp sức của Đ.

Đối với Khuất Cao C: Là số ma túy Đ trực tiếp mua lần thứ hai chung cho cả 03 bị cáo thực tế thu giữ được là 297,7251 gam cộng với số ma túy C gửi Đ1 mua lần thứ nhất còn lại cất giữ tại nơi ở mà Cơ quan điều tra đã thu giữ được là 67,0792 gam. Tổng cộng là 364,8043 gam Methamphetamine. Đối với số ma túy của Đ1, Đ mà Đ1 mua lần thứ nhất, không đủ căn cứ chứng minh vai trò giúp sức của C.

[3]. Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo Đ, C, H có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, bị cáo Đ1 bị hạn chế khả năng nhận thức tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về điều luật áp dụng: Hội đồng xét xử xét thấy, khung hình phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) cao hơn khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội, cần áp dụng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử đối với các bị cáo. Như vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung, tình hình tội phạm về ma túy ngày càng gia tăng, diễn biến phức tạp và gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo: Bị cáo Đ1, Đ có vai trò là người trực tiếp mua ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy, thỏa thuận với các bị cáo khác về việc mua ma túy. Bị cáo C có vai trò trực tiếp tàng trữ trái phép chất ma túy, thỏa thuận với các bị cáo khác về việc mua ma túy, ngoài ra bị cáo C còn mua vé máy bay cho bị cáo Đ đi mua ma túy. Số lượng ma túy mà bị cáo Đ1 tàng trữ nhiều hơn bị cáo Đ, C; số lượng ma túy mà bị cáo Đ tàng trữ nhiều hơn bị cáo C. Bị cáo H không trực tiếp tàng trữ ma túy nhưng có vai trò giúp sức tích cực cho các bị cáo khác trong việc tàng trữ trái phép chất ma túy, cụ thể: Theo

yêu cầu của bị cáo Đ1, bị cáo H đã mua vé máy bay cho các bị cáo Đ1 về tỉnh Bình Dương sau khi đi đồi ma túy không thành. Ngoài ra, bị cáo H còn bàn bạc, trao đổi với các bị cáo Đ1, Đ, C về việc mua ma túy, về việc đặt vé máy bay cho Đ đi mua ma túy.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Đ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với bị cáo C: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có cha ruột là ông Khuất Tuấn P được Nhà nước tặng Huy chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với bị cáo Đ1: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm l, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với bị cáo H: Bị cáo có ông ngoại là Liệt sĩ, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo Đ, C, Đ1, H là phù hợp.

Về hành vi của bà Hà Thị Cẩm T4: Quá trình điều tra xác định bà T4 chỉ cùng sử dụng ma túy với các bị cáo, không tàng trữ cũng như không biết, không giúp sức trong việc các bị cáo khác tàng trữ ma túy nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự mà xử lý vi phạm hành chính đối với bà T4 là đúng quy định của pháp luật.

Nội dung bào chữa của người bào chữa chỉ định cho bị cáo H cho rằng không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H và đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với Hà Thị Cẩm T4 là chưa phù hợp.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Đ1 đề nghị xác định lại hàm lượng ma túy, tiến hành lấy lời khai của bị cáo Đ1 có sự tham gia của người đại diện hợp pháp, làm rõ việc cán bộ quản giáo Lê Thế C ký tên vào biên bản hỏi cung bị can vào ngày 21/9/2018. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra đã tiến hành lấy lời khai của bị cáo Đ1 có sự tham gia của người bào chữa, mặt khác lời khai của bị cáo Đ1 tại phiên tòa ngày 06/12/2018 có sự tham gia của người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ1 là bà Nguyễn Thị T2. Đối với biên bản ghi lời khai ngày 21/9/2018 có sự

tham gia của cán bộ quản giáo là ông Lê Thế C, xét thấy không có căn cứ xác định ông Lê Thế C ký tên với tư cách là người đại diện của bị cáo Đ1, vì biên bản xác định rõ ông Lê Thế C ký tên với tư cách là cán bộ quản giáo. Do đó, những nội dung yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung của người bào chữa cho bị cáo Đ1 là không có cơ sở chấp nhận.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Đ, C đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo C có cha là người có công với cách mạng là phù hợp, tuy nhiên về đề nghị xem xét lại hàm lượng ma túy truy tố các bị cáo, về đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo Đ có học vấn thấp và đề nghị về áp dụng mức hình phạt dưới khung hình phạt cho các bị cáo Đ, C là chưa phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) túi niêm phong số 289/PC54 gồm mẫu từ M6 (gồm M6-1; M6-2); M7; M8; M9; M10 (gồm M10-1, M10-2) trên mặt túi niêm phong có chữ ký xác nhận của người bị bắt tên Lê Văn Đ và Khuất Cao C, chữ ký cán bộ Nguyễn Xuân T5 và cán bộ Kỹ thuật hình sự Nguyễn Hoàng Â; 01 (một) bì thư được niêm phong màu trắng, số 2228 ngày 06/7/2017, bên trong có mẫu M11 (gồm M11-1; M11-2), trên mặt bì thư có chữ ký của người bị bắt Lê Văn Đ, giám định viên Trần Thị Thanh T6, người chứng kiến Bùi Thúy H3 và dấu niêm phong màu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh; 01(một) túi niêm phong số 289/PC54 gồm mẫu M2 (gồm M2-1, M2-2), M3, M4, M5 trên mặt túi niêm phong có chữ ký xác nhận của người bị bắt Phạm Anh Đ1, chữ ký cán bộ Nguyễn Hữu B và cán bộ Kỹ thuật hình sự Nguyễn Văn T7 và kiểm sát viên Đỗ Văn D, dấu mộc tròn đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương; 01 (một) hộp có dán giấy niêm phong số 289/PC54 gồm mẫu M1 trên mặt túi niêm phong có chữ ký xác nhận của người bị bắt Phạm Anh Đ1, chữ ký cán bộ Nguyễn Hữu B và cán bộ Kỹ thuật hình sự Đoàn Nguyễn Thiện Q và Kiểm sát viên Đỗ Văn D, dấu mộc tròn đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương: Các túi niêm phong này chứa ma túy là vật chứng trong vụ án nên tịch thu tiêu hủy, đối với túi niêm phong chứa mẫu M8 qua giám định xác định không phải là ma túy, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số vật chứng thu giữ của Lê Văn Đ:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone S màu xám đen, số 579C-E2946A và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen xám 8250: Là điện thoại bị cáo Đ sử dụng để liên lạc trong việc mua ma túy đá; 01 (một) xe mô tô, loại DH 88 lắp ráp, biển số: 86K6-12X, có số khung: DH88-XF413478 (khung xe Honda made in Korea); số máy: “?” hàn phá số; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, biển số 59Y2-885.X, có số khung: RU10U-B08635 cắt hàn kim loại, số máy: F124-....? (“?”: Đục sửa sâu đọc không được số nguyên thủy) đục sửa: Không có giấy tờ hợp lệ và tìm được chủ sở hữu; 01 (một) cân điện tử màu xanh hiệu Mild Seven, không

kiểm tra tình trạng hoạt động: Bị cáo Đ dùng để phân chia ma túy đá: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

+ 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, biển số: 59Y2 885.X tên Phan Thanh H2; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, biển số: 68E1 145X, tên Ô Vĩnh C; 01 (một) biển số: 61C1-363.X: Tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn Đ; 01 (một) thẻ ATM thẻ Ngân hàng BIDV số X mang tên Lê Văn Đ; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Lê Văn Đ; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Agribank tên NGUYEN THI TRUC A số X; 01 (một) laptop hiệu Sony VaiO màu đen, không kiểm tra tình trạng bên trong; 01 (một) thanh kiếm tay cầm bằng gỗ, vỏ kiếm bằng gỗ, tổng chiều dài khoảng 55cm, lưỡi kiếm rộng khoảng 03cm, cán dài khoảng 13cm, lưỡi kiếm dài 42cm; 01 (một) dao cán bằng gỗ, dài khoảng 45cm, cán dài 18cm, lưỡi dao dài 27cm, lưỡi dao chỗ rộng nhất khoảng 4,5cm; 01 (một) dao cán quân bằng bằng keo đen, cán dao dài 28cm, chỗ rộng nhất của lưỡi dao khoảng 09cm; 01 (một) đoạn ống sắt tròn, dài khoảng 105cm, đường kính khoảng 04cm; tiền Việt Nam 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng: Các vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Đ.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đồng: Là điện thoại của bị cáo Đ1 nhờ bị cáo Đ đi sửa chữa, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Đ1.

- Vật chứng thu giữ của bị cáo Phạm Anh Đ1:

+ 01 (một) cân điện tử màu đen hiệu Amput: Bị cáo Đ1 dùng để phân chia ma túy đá; 01 (một) điện thoại Iphone 5 màu trắng, số emei: 013405004381725 (chưa kiểm tra số thuê bao): Bị cáo H dùng để liên lạc trong việc mua ma túy đá: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

+ 01 (một) chai nhựa màu trắng loại 1,5 lít nắp màu đỏ có gắn ống thủy tinh, dùng để sử dụng ma túy đá; 01 (một) bình thủy tinh có gắn ống thủy tinh là dụng cụ sử dụng ma túy đá: Tịch thu, tiêu hủy.

+ 01 (một) điện thoại Iphone 6 Plus màu đen xám, chưa kiểm tra số thuê bao, số emei: 3544 5406 3536 651; 01 (một) Ipad màu xám đen có số serial DMPHPEQPDJ8R; 01 (một) sim điện thoại Mobifone số seri: 8401 1610 5271 86780T; 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên Phạm Anh Đ1; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Anh Đ1; 01 (một) điện thoại di động Nokia 1280 màu đỏ, số emei: 351546006700684: Các vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Đ1.

+ 01 thẻ ATM Vietcombank số X tên Bùi Thị H; 01 thẻ ATM BIDV số X tên Bùi Thị H; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Bùi Thị H; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Bùi Thị H; 01 (một) giấy đăng ký xe 61G1-544X tên Bùi Thị H; 01 (một) tờ giấy vay tiền, người vay là Phạm Thị M1; 01 (một) tờ giấy vay tiền, người vay là Bùi Thị H; 01 (một) sổ ghi chép màu đen, kích thước 05cm x 10cm: Là tài sản của bị cáo H, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

+ 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, đính đá cam nhạt, xác định là vàng giả, trọng lượng: 01 chỉ 02 phân; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình ech, xác định là vàng giả, trọng lượng: 01 chỉ 02 phân; 01 (một) nhẫn kim loại vàng, mặt nhẫn hình tháp sen, xác định là vàng giả, trọng lượng: 01 chỉ 01 phân; 01 (một) dây chuyền kim loại vàng nhạt trắng, xác định là bạc, trọng lượng: 05 phân 9; 01 (một) mặt dây chuyền kim loại trắng (giống bông tai) 03 khoen tròn cuộn, xác định là bạc, trọng lượng: 05 phân 8; 02 (hai) bông tai kim loại trắng 03 khoen tròn cuộn, xác định là bạc, trọng lượng: 05 phân 5; 01 (một) nhẫn kim loại trắng đính đá trắng bằng châu bốn chân, xác định là bạc, trọng lượng: 09 phân 1; 01 (một) nhẫn kim loại trắng đính nhiều đá nhỏ, xác định là bạc, trọng lượng: 06 phân 8; 01 (một) mặt dây chuyền hình phật màu đen bọc kim loại vàng, kim loại bọc mặt dây chuyền màu đen được xác định là vàng 18K, trọng lượng: 02 chỉ 2; 01 (một) lắc tay kim loại trắng, xác định là vàng trắng, trọng lượng: 03 chỉ 8 phân 2; 01 (một) nhẫn kim loại trắng đính đá bằng 02 khoen tròn, xác định là vàng trắng, trọng lượng: 01 chỉ 6 phân 1; tiền Việt Nam 6.400.000 (sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng và 1.460.000 (một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng: Là tài sản của bị cáo H, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

- Vật chứng thu giữ của Khuất Cao C:

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá: Tịch thu, tiêu hủy.

+ 01 (một) dao bằng kim loại dài khoảng 50cm, sống dao có răng cưa, cán dao bằng gỗ có chạm H văn, lưỡi dao chỗ rộng nhất là 05cm; 01 (một) dao nhọn bằng kim loại dài khoảng 18cm, cán bằng nhựa màu xám, lưỡi dao có bao da bọc lại, chỗ rộng nhất của lưỡi dao khoảng 01cm: Là tài sản của bị cáo C, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo C.

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen số IC 579C-E3092A: Bị cáo C sử dụng để liên lạc trong việc mua ma túy đá nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

+ 01 (một) xe mô tô, biển số: 61G1-568.X, nhãn hiệu: INJECTION SHi, có số khung: *ZDCKF10B0AF036298*, số máy: KF08E*1038198*KTG E1: Do bị cáo C đứng tên chủ sở hữu, đây là tài sản được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của bị cáo C và vợ là bà Cao Thùy L. Do đó, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị xe mô tô nêu trên.

- Vật chứng thu giữ của Bùi Thị H:

01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, số loại CLICK EXCEED KVBG, có số khung: RLHJF18017 Y375050, số máy: JF18E-0075105, màu đỏ, biển số 61G1-544X; 01 (một) vở học sinh ghi chép màu hồng 20cm x 25cm: Không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

- 01 (một) túi niêm phong số ký hiệu PS3 – 053561, trên mặt túi niêm phong có chữ ký xác nhận của đối tượng Phạm Anh Đ1, kiểm sát viên Đỗ Văn D, điều tra viên Nguyễn Hữu B và hình dấu mộc tròn đỏ niêm phong của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an: Túi niêm phong chứa các viên đạn đạn thu giữ của bị cáo

Đ1 nên tịch thu, giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương xử lý theo thẩm quyền.

Đối với các vật chứng khác thu giữ trong vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp của tài sản là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Đ, C, Đ1, H bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Đ, Khuất Cao C, Phạm Anh Đ1, Bùi Thị H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 18 (mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2017.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Khuất Cao C 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2017.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; điểm l, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Anh Đ1 19 (mười chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/6/2017.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Bùi Thị H 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2017.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi niêm phong số 289/PC54 gồm mẫu từ M6 (gồm M6-1; M6-2); M7; M8; M9; M10 (gồm M10-1, M10-2) trên mặt túi niêm phong có chữ ký xác nhận của người bị bắt tên Lê Văn Đ và Khuất Cao C, chữ ký cán bộ Nguyễn Xuân T5 và cán bộ Kỹ thuật hình sự Nguyễn Hoàng Á; 01 (một) bì thư được niêm phong màu trắng, số 2228 ngày 06/7/2017, bên trong có mẫu M11 (gồm M11-1; M11-2), trên mặt bì thư có chữ ký của người bị bắt Lê Văn Đ, giám định viên Trần Thị Thanh T6, người chứng kiến Bùi Thúy H3 và dấu niêm phong

màu đỏ của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh; 01(một) túi niêm phong số 289/PC54 gồm mẫu M2 (gồm M2-1, M2-2), M3, M4, M5 trên mặt túi niêm phong có chữ ký xác nhận của người bị bắt Phạm Anh Đ1, chữ ký cán bộ Nguyễn Hữu B và cán bộ Kỹ thuật hình sự Nguyễn Văn T7 và kiểm sát viên Đỗ Văn D, dấu mộc tròn đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương; 01 (một) hộp có dán giấy niêm phong số 289/PC54 gồm mẫu M1 trên mặt túi niêm phong có chữ ký xác nhận của người bị bắt Phạm Anh Đ1, chữ ký cán bộ Nguyễn Hữu B và cán bộ Kỹ thuật hình sự Đoàn Nguyễn Thiện Q và Kiểm sát viên Đỗ Văn D, dấu mộc tròn đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, biển số: 59Y2 885.X tên Phan Thanh H2; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, biển số: 68E1 145X, tên Ô Vĩnh C; 01 (một) biển số: 61C1-363.X; 01 (một) chai nhựa màu trắng loại 1,5 lít nắp màu đỏ có gắn ống thủy tinh, dùng để sử dụng ma túy đá; 01 (một) bình thủy tinh có gắn ống thủy tinh là dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá.

- Tịch thu, nộp Ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone S màu xám đen, số 579C-E2946A và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen xám 8250; 01 (một) xe mô tô, loại DH 88 lắp ráp, biển số: 86K6-12X, có số khung: DH88-XF413478 (khung xe Honda made in Korea); số máy: “?” hàn phá số; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, biển số 59Y2-885.X, có số khung: RU10U-B08635 cắt hàn kim loại, số máy: F124-....? (“?”: Đục sửa sâu đục không được số nguyên thủy) đục sửa; 01 (một) cân điện tử màu xanh hiệu Mild Seven, không kiểm tra tình trạng hoạt động; 01 (một) cân điện tử màu đen hiệu Amput; 01 (một) điện thoại Iphone 5 màu trắng, số emei: 013405004381725 (chưa kiểm tra số thuê bao); 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen số IC 579C-E3092A; ½ giá trị 01 (một) xe mô tô, biển số: 61G1-568.X, nhãn hiệu: INJECTION SHi, có số khung: *ZDCKF10B0AF036298*, số máy: KF08E*1038198*KTG E1.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn Đ: 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn Đ; 01 (một) thẻ ATM thẻ Ngân hàng BIDV số X mang tên Lê Văn Đ; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Lê Văn Đ; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Agribank tên NGUYEN THI TRUC A số X; 01 (một) laptop hiệu Sony VaiO màu đen, không kiểm tra tình trạng bên trong; 01 (một) thanh kiếm tay cầm bằng gỗ, vỏ kiếm bằng gỗ, tổng chiều dài khoảng 55cm, lưỡi kiếm rộng khoảng 03cm, cán dài khoảng 13cm, lưỡi kiếm dài 42cm; 01 (một) dao cán bằng gỗ, dài khoảng 45cm, cán dài 18cm, lưỡi dao dài 27cm, lưỡi dao chỗ rộng nhất khoảng 4,5cm; 01 (một) dao cán quán bằng băng keo đen, cán dao dài 28cm, chỗ rộng nhất của lưỡi dao khoảng 09cm; 01 (một) đoạn ống sắt tròn, dài khoảng 105cm, đường kính khoảng 04cm.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Anh Đ1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đồng; 01 (một) điện thoại Iphone 6 Plus màu đen xám, chưa kiểm tra số thuê bao, số emei: 3544 5406 3536 651; 01 (một) Ipad màu xám đen có

số serial DMPHPEQPDJ8R; 01 (một) sim điện thoại Mobifone số seri: 8401 1610 5271 86780T; 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên Phạm Anh Đ1; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Anh Đ1; 01 (một) điện thoại di động Nokia 1280 màu đỏ, số imei: 351546006700684.

- Trả lại cho bị cáo Khuất Cao C: 01 (một) dao bằng kim loại dài khoảng 50cm, sống dao có răng cưa, cán dao bằng gỗ có chạm hoa văn, lưỡi dao chỗ rộng nhất là 05cm; 01 (một) dao nhọn bằng kim loại dài khoảng 18cm, cán bằng nhựa màu xám, lưỡi dao có bao da bọc lại, chỗ rộng nhất của lưỡi dao khoảng 01cm.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Thị H: 01 thẻ ATM Vietcombank số X tên Bùi Thị H; 01 thẻ ATM BIDV số X tên Bùi Thị H; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Bùi Thị H; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Bùi Thị H; 01 (một) giấy đăng ký xe 61G1-544X tên Bùi Thị H; 01 (một) tờ giấy vay tiền, người vay là Phạm Thị M1; 01 (một) tờ giấy vay tiền, người vay là Bùi Thị H; 01 (một) sổ ghi chép màu đen, kích thước 05cm x 10cm; 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, số loại CLICK EXCEED KVBG, có số khung: RLHJF18017 Y375050, số máy: JF18E-0075105, màu đỏ, biển số 61G1-544X; 01 (một) vở học sinh ghi chép màu hồng 20cm x 25cm.

- Trả lại cho bà Cao Thùy L: ½ giá trị 01 (một) xe mô tô, biển số: 61G1-568.X, nhãn hiệu: INJECTION SHi, có số khung: *ZDCKF10B0AF036298*, số máy: KF08E*1038198*KTG E1.

(Các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/3/2018).

- Trả lại cho bị cáo Bùi Thị H: 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, đính đá cam nhạt, xác định là vàng giả, trọng lượng: 01 chỉ 02 phân; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình éch, xác định là vàng giả, trọng lượng: 01 chỉ 02 phân; 01 (một) nhẫn kim loại vàng, mặt nhẫn hình tháp sen, xác định là vàng giả, trọng lượng: 01 chỉ 01 phân; 01 (một) dây chuyền kim loại vàng nhạt trắng, xác định là bạc, trọng lượng: 05 phân 9; 01 (một) mặt dây chuyền kim loại trắng (giống bông tai) 03 khoen tròn cuộn, xác định là bạc, trọng lượng: 05 phân 8; 02 (hai) bông tai kim loại trắng 03 khoen tròn cuộn, xác định là bạc, trọng lượng: 05 phân 5; 01 (một) nhẫn kim loại trắng đính đá trắng bằng châu bốn chân, xác định là bạc, trọng lượng: 09 phân 1; 01 (một) nhẫn kim loại trắng đính nhiều đá nhỏ, xác định là bạc, trọng lượng: 06 phân 8; 01 (một) mặt dây chuyền hình phật màu đen bọc kim loại vàng, kim loại bọc mặt dây chuyền màu đen được xác định là vàng 18K, trọng lượng: 02 chỉ 2; 01 (một) lắc tay kim loại trắng, xác định là vàng trắng, trọng lượng: 03 chỉ 8 phân 2; 01 (một) nhẫn kim loại trắng đính đá bằng 02 khoen tròn, xác định là vàng trắng, trọng lượng: 01 chỉ 6 phân 1.

(Vật chứng nêu trên được thể hiện tại biên bản giao nhận tài sản ngày 24/10/2017 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương).

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn Đ số tiền Việt Nam 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng; trả lại cho bị cáo Bùi Thị H số tiền Việt Nam 6.400.000 (sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng và 1.460.000 (một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng.

(Số tiền trên được thể hiện tại ủy nhiệm chi lập ngày 23/3/2018 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Dương của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an tỉnh Bình Dương cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

- Tịch thu, giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương xử lý theo thẩm quyền: 01 (một) túi niêm phong số ký hiệu PS3 – 053561, trên mặt túi niêm phong có chữ ký xác nhận của đối tượng Phạm Anh Đ1, kiểm sát viên Đỗ Văn D, điều tra viên Nguyễn Hữu B và hình dấu mộc tròn đỏ niêm phong của Phân viện KH học hình sự - Bộ Công an.

(Vật chứng trên được thể hiện tại phiếu nhập kho vật chứng ngày 12/9/2017 tại Kho vật chứng thuộc Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp – Công an tỉnh Bình Dương).

4. Án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Các bị cáo Lê Văn Đ, Phạm Anh Đ1, Khuất Cao C, Bùi Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Anh Đ1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- | | |
|------------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Trại Tạm giam - Công an tỉnh BD; | 1 |
| - Phòng PV 06 - Công an tỉnh BD; | 1 |
| - CQCSĐT CA tỉnh BD; | 1 |
| - Cục THADS tỉnh BD; | 1 |
| - Bị cáo; | 4 |
| - Người đại diện của bị cáo Đ1; | 2 |
| - Người bào chữa; | 3 |
| - Người liên quan; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Tổ Hành chính – Tư pháp; | 2 |
| - Lưu hồ sơ vụ án. | 1 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Lộc